

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

Lai Châu, ngày 02 tháng 01 năm 2026

THƯ NGỎ!

Kính gửi: Quý Khách hàng

Công ty TNHH MTV Tư vấn và Kiểm định Trường Vĩ xin gửi lời chào trân trọng đến Quý Khách hàng.

Công ty TNHH MTV Tư vấn và Kiểm định Trường Vĩ được thành lập ngày 19/10/2017 theo giấy phép đăng ký kinh doanh. Mã số doanh nghiệp 6200094736. Đăng ký lần đầu ngày 19 tháng 10 năm 2017. Đăng ký thay đổi lần thứ 01 vào ngày 01 tháng 07 năm 2021.

Trong thời gian hoạt động vừa qua chúng tôi đã tham gia Kiểm định chất lượng công trình một số công trình thuộc các lĩnh vực Xây dựng, Giao thông, Thủy lợi, Nước sinh hoạt ... trên địa bàn tỉnh Lai Châu. Kết quả được các Chủ đầu tư đánh giá cao về chất lượng, tiến độ các dự án do Công ty thực hiện.

Công ty chúng tôi được biết trong thời gian tới, Quý cơ quan có chủ trương đầu tư xây dựng một số dự án trên địa bàn.

Với Ban lãnh đạo có kinh nghiệm và đội ngũ cán bộ trẻ có trình độ, năng động, sáng tạo và nhiệt tình trong công việc cùng với trang thiết bị máy móc hiện đại và các phần mềm ứng dụng tiên tiến được cập nhật thường xuyên, Chúng tôi thấy công việc này rất phù hợp với khả năng, năng lực của Công ty.

Nếu được sự quan tâm của Quý Khách hàng giao cho Chúng tôi thực hiện Dự án, Chúng tôi cam kết sẽ thực hiện tốt công việc được giao, đảm bảo chất lượng, tiến độ và tuân thủ các Quy định pháp luật hiện hành của Nhà nước.

Rất mong được sự quan tâm giúp đỡ của Quý Khách hàng, Quý cơ quan.

Xin trân trọng cảm ơn . /.

CÔNG TY TNHH MTV TV&KD TRƯỜNG VĨ

GIÁM ĐỐC

Vũ Văn Thuận

GIỚI THIỆU TÓM TẮT CÔNG TY TNHH MTV TƯ VẤN VÀ KIỂM ĐỊNH TRƯỜNG VĨ

Công ty TNHH MTV tư vấn và kiểm định Trường Vĩ được thành lập ngày 19 tháng 10 năm 2017, là doanh nghiệp hoạt động chuyên nghiệp trong lĩnh vực Tư vấn và kiểm định chất lượng công trình các dự án xây dựng công trình Giao thông, Thủy lợi, Dân dụng, Công nghiệp, Hạ tầng kỹ thuật và Quy hoạch.

Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 6200094736 do Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Lai Châu cấp, cùng với chứng chỉ hành nghề của các kỹ sư.

Công ty TNHH MTV tư vấn và kiểm định Trường Vĩ là một doanh nghiệp trẻ tuy nhiên có một đội ngũ cán bộ là cử nhân kinh tế kỹ sư, chuyên gia chuyên ngành của Công ty được đào tạo cơ bản từ các trường Đại học có uy tín, chuyên sâu trong từng lĩnh vực đầu tư xây dựng; được trưởng thành từ các tổ chức, đơn vị lớn, chuyên nghiệp trong các công tác Quản lý dự án, Tư vấn thiết kế thi công xây lắp công trình. Trong quá trình công tác tại các đơn vị lớp, uy tín trong các lĩnh vực triển khai dự án cán bộ của Công ty đã tích lũy được nhiều kinh nghiệm từ quá trình làm Chủ nhiệm dự án, chủ trì thiết kế hoặc trực tiếp quản lý các dự án lớn, có tiêu chuẩn kỹ thuật cao, có địa hình, địa chất, xử lý kỹ thuật phức tạp; những dự án do các cán bộ của Công ty đã từng làm Chủ nhiệm, Chủ trì và những công trình do Công ty triển khai luôn được Chủ đầu tư đánh giá cao về chất lượng, tiến độ và tính chuyên nghiệp.

Với tinh thần hợp tác dựa trên nền tảng trí tuệ, đạo đức nghề nghiệp và khát khao vươn tới những đỉnh cao thành công, đội ngũ cán bộ kỹ sư, chuyên gia chúng tôi đoàn kết một lòng quyết tâm tạo dựng nên một đơn vị mạnh và uy tín hàng đầu trong lĩnh vực đầu tư xây dựng.

Công ty TNHH MTV tư vấn và kiểm định Trường Vĩ tự hào là nơi hội tụ trí tuệ phẩm chất đạo đức nghề nghiệp, nhân lực có tài có đức với khát khao vươn tới thành công của toàn bộ thành viên trong Công ty.

Chúng tôi luôn luôn coi chất lượng mỗi sản phẩm của Công ty mang đến cho các đối tác là uy tín nhất là chất lượng tốt nhất đó chính là chìa khoá của thành công của sự hợp tác bền vững.

Sự tin tưởng của đối tác sẽ là động lực thúc đẩy chúng tôi hoàn thiện hơn nữa những hoạt động của đơn vị.

GIỚI THIỆU NĂNG LỰC

I. GIỚI THIỆU CHUNG

1. Tên công ty: CÔNG TY TNHH MỘT THÀNH VIÊN TƯ VẤN VÀ KIỂM ĐỊNH TRƯỜNG VĨ.

2. Địa chỉ giao dịch: Số 181, đường Trần Hưng Đạo, tổ 9, phường Đoàn Kết, tỉnh Lai Châu

3. Điện thoại: 0389 896789 & 0385 284130

4. Gmail: Kiemdinhtruongvi@gmail.com

5. Tài khoản Tài khoản số: 3620306256 tại Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam – Chi nhánh tỉnh Lai Châu

6. Mã số thuế: 6200094736

7. Vốn điều lệ: 5.000.000.000 đồng

8. Người đại diện theo pháp luật của Công ty: Vũ Văn Thuận - Chức vụ: Giám đốc công ty.

II. ĐĂNG KÝ KINH DOANH VÀ NGÀNH NGHỀ KINH DOANH

1. Giấy phép kinh doanh.

Đăng ký kinh doanh số 6200094736 do Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Lai Châu cấp lần đầu ngày 19/10/2017. Cấp lại 01/07/2021

2. Ngành nghề kinh doanh.

STT	TÊN NGÀNH NGHỀ KINH DOANH	MÃ NGÀNH
1	Xây dựng nhà các loại	4100
2	Xây dựng công trình đường sắt và đường bộ	4210
3	Xây dựng các công trình công ích: Chi tiết: Xây dựng các công trình thủy lợi, cấp nước sinh hoạt	4220
4	Xây dựng công trình kỹ thuật dân dụng khác	4290
5	Phá dỡ	4311
6	Chuẩn bị mặt bằng Chi tiết: Chuẩn bị mặt bằng, dịch vụ nổ mìn	4312
7	Lắp đặt hệ thống điện	4321
8	Lắp đặt hệ thống cấp, thoát nước, lò sưởi và điều hòa không	4322

CÔNG TY TNHH MTV TƯ VẤN & KIỂM ĐỊNH TRƯỜNG VĨ

	khí	
9	Lắp đặt hệ thống xây dựng khác. Chi tiết: Cung cấp, lắp đặt các thiết bị PCCC, cầu thang máy; sản xuất, cung cấp lắp đặt cửa nhựa, cửa nhôm, cửa thủy lực và các thiết bị xây dựng khác	4329
10	Hoàn thiện công trình xây dựng	4330
11	Hoạt động xây dựng chuyên dụng khác Chi tiết: Thi công sử lý chống mối các công trình	4390
12	Vận tải hàng hóa bằng đường bộ	4933
13	Hoạt động kiến trúc và các tư vấn kỹ thuật có liên quan Chi tiết: - Thiết kế quy hoạch tổng mặt bằng, thiết kế kiến trúc nội thất, ngoại thất công trình dân dụng và công nghiệp; thiết kế kết cấu các công trình dân dụng và công nghiệp, thủy lợi, thiết kế xây dựng công trình cầu đường. - Tư vấn giám sát thi công các công trình: Dân dụng và Công nghiệp, giao thông, thủy lợi, hoạt động đo đạc bản đồ thăm dò địa chất, nguồn nước, tư vấn kỹ thuật có liên quan khác - Khảo sát địa chất công trình	7110
14	Hoạt động thiết kế chuyên dụng: Chi tiết: Trang trí nội ngoại thất công trình xây dựng dân dụng, công nghiệp, nông nghiệp, lâm nghiệp, khu dân cư, khu công nghiệp, khu chế xuất, khu công nghệ cao	7410
15	Hoạt động chuyên môn, khoa học và công nghệ khác chưa được phân vào đâu Chi tiết: Tư vấn các dịch vụ môi trường, lập báo cáo đánh giá tác động môi trường, lập kế hoạch bảo vệ môi trường	7490
16	Kiểm tra và phân tích kỹ thuật Chi tiết: - Thí nghiệm vật liệu xây dựng, thí nghiệm đối chứng, kiểm định chất lượng, thí nghiệm khả năng chịu lực của kết cấu công trình xây dựng: Dân dụng và Công nghiệp, giao thông thủy lợi, thủy điện, hạ tầng kỹ thuật. - Đánh giá an toàn chịu lực và an toàn vận hành công trình trong quá trình khai thác sử dụng	7120

3. Mục tiêu chiến lược của Công ty.

- Phân đấu trở thành một Doanh nghiệp mạnh và uy tín hàng đầu trong lĩnh vực xây dựng và là sự lựa chọn số 1 của khách hàng với sự tin tưởng cao nhất.

- Xây dựng công ty thành một tổ chức đoàn kết chặt chẽ, tạo dựng công ăn việc làm ổn định, thu nhập cao, môi trường làm việc chuyên nghiệp, năng động, tạo điều kiện nâng cao năng lực trình độ cho toàn bộ các bộ công nhân viên trong Công ty.

4. Định hướng phát triển của Công ty.

Công ty được hình thành nhằm đáp ứng các nhu cầu của thị trường trong các lĩnh vực: Thí nghiệm vật liệu xây dựng, thí nghiệm đối chứng, kiểm định chất lượng, thí nghiệm khả năng chịu lực kết cấu công trình xây dựng Dân dụng và Công nghiệp, giao thông thủy lợi, thủy điện, nông nghiệp và phát triển nông thôn, hạ tầng kỹ thuật, đánh giá độ an toàn chịu lực và vận hành công trình trong quá trình khai thác sử dụng.

Thi công các công trình Dân dụng và Công nghiệp, giao thông thủy lợi, thủy điện, nông nghiệp và phát triển nông thôn, hạ tầng kỹ thuật, thi công chống mối công trình.

Tư vấn quy hoạch, lập dự án đầu tư xây dựng công trình về các lĩnh vực giao thông, xây dựng, thủy lợi...

Tư vấn các dịch vụ môi trường, lập báo cáo đánh giá tác động môi trường, lập kế hoạch bảo vệ môi trường.

Với đội ngũ kỹ sư, kiến trúc sư, cán bộ kỹ thuật các ngành, Xây dựng, Giao thông, Thủy lợi cùng đội ngũ công nhân khảo sát, công nhân thi công lành nghề và trang thiết bị máy móc tiên tiến, đa dạng, phong phú. Công ty TNHH MTV Tư vấn và Kiểm định Trường Vĩ đang dần hoàn thiện cơ cấu tổ chức và hoạt động, phấn đấu xây dựng một thương hiệu mạnh và uy tín trong tương lai không xa.

Dựa trên nền tảng con người, công nghệ tiên tiến và cơ sở vật chất đầy đủ cộng với mục tiêu chiến lược đề ra, Công ty đã định hướng phát triển cụ thể như sau.

- Thiết lập bộ máy của Công ty đủ năng lực trình độ, tổ chức sắp xếp sản xuất một cách khoa học hợp lý nhất phù hợp với mô hình Công ty để quản lý, điều hành sản xuất hiệu quả nhất, tạo ra sản phẩm đáp ứng được yêu cầu cao về kỹ thuật và làm hài lòng khách hàng.

- Có kế hoạch đào tạo nâng cao trình độ chuyên môn nghiệp vụ cho toàn thể cán bộ công nhân viên và cán bộ quản lý, làm tiền đề để Công ty phát triển một cách nhanh chóng, vững mạnh.

- Tạo dựng và mở rộng các mối quan hệ với đối tác nhằm mở rộng thị trường hoạt động trên khắp miền đất nước, định hướng vươn ra thị trường nước ngoài khi hội tụ đầy đủ các điều kiện. Quan hệ chặt chẽ lâu bền trên tinh thần hợp tác với các đối tác chiến lược, đối tác truyền thống.

- Đầu tư nghiên cứu công nghệ, tiếp thu công nghệ mới nhằm nâng cao hiệu quả sản xuất và chất lượng sản phẩm để đáp ứng được yêu cầu ngày càng cao và khắc khe của khách hàng.

- Truyền dụng nhân lực, đầu tư cơ sở vật chất, mở rộng quy mô phù hợp đáp ứng yêu cầu thực tế của thị trường.

- Tích cực đóng góp, chia sẻ lợi ích của Công ty với lợi ích chung của toàn xã hội.

PHẦN I:
BÁO CÁO GIỚI THIỆU CHUNG PHÒNG THÍ NGHIỆM VÀ
KIỂM ĐỊNH XÂY DỰNG LAS-XD-1120

1. Tên cơ sở xin công nhận: Công ty TNHH MTV Tư vấn và Kiểm định Trường Vĩ

- Giám đốc: Vũ Văn Thuận
- Địa chỉ: Số 181, đường Trần Hưng Đạo, tổ 9, phường Đoàn Kết, tỉnh Lai Châu
- Điện thoại: 0389 896789 & 0385 284130
- Gmail: Kiemdinhtruongvi@gmail.com

2. Tên phòng thí nghiệm: Phòng thí nghiệm và kiểm định chất lượng công trình – Mã số PTN: LAS-XD 1120

- Địa chỉ: Địa chỉ: Số 181, đường Trần Hưng Đạo, tổ 9, phường Đoàn Kết, tỉnh Lai Châu
- Điện thoại: 0389 896789 & 0385 284130

Phòng thí nghiệm và kiểm định chất lượng công trình – Mã số PTN: LAS-XD 1120 thuộc Công ty TNHH MTV Tư vấn và Kiểm định Trường Vĩ được chuyển nhượng từ Công ty Cổ phần Tư vấn Tổng Hợp tỉnh Lai Châu (thông qua hợp đồng chuyển nhượng) với đội ngũ cán bộ kỹ thuật có trình độ, trẻ, hăng hái, nhiệt tình, hầu hết đều trải qua nhiều dự án. Cùng với trang thiết bị, máy móc thí nghiệm đều được đảm bảo yêu cầu kỹ thuật.

Phòng thí nghiệm và kiểm định chất lượng công trình – Mã số PTN: LAS-XD 1120 xin được công nhận với mục đích: Thí nghiệm vật liệu xây dựng, thí nghiệm đối chứng, kiểm định chất lượng, thí nghiệm khả năng chịu lực của kết cấu công trình xây dựng Dân dụng và Công nghiệp, giao thông, thủy lợi, thủy điện, nông nghiệp và phát triển nông thôn, hạ tầng kỹ thuật; đánh giá an toàn chịu lực vận hành công trình trong quá trình khai thác sử dụng của khách hàng khi có nhu cầu.

3. Trưởng phòng thí nghiệm: Kỹ sư xây dựng: Ông Dương Minh Tín

DANH SÁCH CÁN BỘ CÔNG NHÂN VIÊN PTN

TT	Họ và tên	Năm sinh	Trình độ, chuyên môn được đào tạo	Kinh nghiệm	Chức danh
1	Dương Minh Tín	1986	Kỹ sư xây dựng dân dụng và công	1	Trưởng phòng

CÔNG TY TNHH MTV TƯ VẤN & KIỂM ĐỊNH TRƯỜNG VĨ

			nghiệp; Chứng chỉ quản lý phòng thí nghiệm; Chứng chỉ giám sát công trình xây dựng dân dụng;		Thí nghiệm
2	Giang Trung Kiên	1985	Kỹ sư xây dựng dân dụng và công nghiệp; Chứng chỉ quản lý phòng thí nghiệm; Chứng chỉ đào tạo TNV	06	Phó phòng TN
3	Lê Trung Quân	1981	Kỹ sư Giao thông; Chứng chỉ thí nghiệm các chỉ tiêu cơ lý của đất	06	Nhân viên
4	Nguyễn Thái Bảo	1985	Bằng nghề: Thí nghiệm vật liệu đường bộ	14	Nhân viên
5	Phạm Quốc Việt	1987	Bằng nghề: Thí nghiệm vật liệu đường bộ	12	Nhân viên
6	Trần Xuân Hà	1971	Kỹ sư xây dựng; Chứng chỉ siêu âm. Chứng chỉ kiểm định chất lượng công trình xây dựng	16	Nhân viên
7	Thân Văn Cường	1981	Kỹ sư: Kỹ thuật xây dựng công trình Giao thông; Chứng chỉ hành nghề hoạt động xây dựng	8	Nhân viên
8	Vũ Văn Thuận	1978	Bằng nghề TNV kiểm tra chất lượng cầu đường bộ.....	20	Nhân viên

I. DỤNG CỤ, TRANG THIẾT BỊ

TT	Tên thiết bị	Đơn vị	Số lượng	Ghi chú
	THIẾT BỊ THÍ NGHIỆM CÁC CHỈ TIÊU			

CÔNG TY TNHH MTV TƯ VẤN & KIỂM ĐỊNH TRƯỜNG VĨ

CƠ LÝ CỦA XI MĂNG				
1	Sàng xi măng, kích thước mắt sàng: 0.009mm	Chiếc	01	
	Hãng sản xuất: XIYI-Trung Quốc			
	Xác định độ mịn của xi măng			
2	Bình khối lượng riêng 250 ml	Chiếc	2	
	Xác định khối lượng riêng của xi măng			
3	Máy trộn hành tinh kiểu Hobart	Bộ	01	
	Hãng sản xuất: XIYI – Trung Quốc			
	Model: JJ-5			
	Sử dụng trộn tạo mẫu xi măng cho các thí nghiệm Chiều rộng dao trộn: 135mm Thể tích bầu trộn: 5 lít Tốc độ trộn Tđ cánh trộn Tđ hành tinh Thấp 140+5(V/P) 62+5(V/P) Cao 285+5 (V/P) 125+5(V/P)			
	Điện áp sử dụng: 380V- 3 pha or 220/50Hz			
4	Bộ VICAT xác định thời gian ninh kết	Bộ	01	
	Hãng sản xuất: XIYI - Trung quốc			
	Xác định độ dẻo tiêu chuẩn thời gian ninh kết của XM			
5	Khuôn đo độ ổn định thể tích Lechaterlier	Chiếc	03	
6	Thùng luộc mẫu- Việt Nam	Cái	01	
	Thể tích 10 lít			
7	Giá định vị thử nén xi măng - Việt Nam	Bộ	01	
	Cho mẫu 40mm (lấy từ mẫu uốn)			
8	Giá định vị thử uốn xi măng – Việt Nam	Bộ	01	

CÔNG TY TNHH MTV TƯ VẤN & KIỂM ĐỊNH TRƯỜNG VĨ

9	Khuôn đúc mẫu xi măng	Bộ	20	
	Kích thước 40x40x160mm			
10	Bàn dần mẫu – Trung Quốc	Cái	01	
	Hãng sản xuất: XIYI – Trung Quốc Model: ZS 15(ZT-96) Đúc mẫu 40x40x160mm Tần số dần: 60 lần/1 phút Biên độ dần: 15mm Nguồn điện: 220v/50Hz một pha			
11	Bàn dần	Cái	01	
	Xuất xứ - Việt Nam Xác định độ lưu động của hỗn hợp vữa Kích thước bàn : 254mm Biên độ: 12.7 mm Quay tay			
	THIẾT BỊ THÍ NGHIỆM CÁC CHỈ TIÊU CƠ LÝ CỦA BÊ TÔNG			
1	Khuôn đúc mẫu bê tông lập phương			
	Hãng sản xuất: XIYI- Trung Quốc Được sử dụng để tạo mẫu bê tông đưa vào kiểm tra. Cần ít nhất 3 bộ khuôn cho một tổ mẫu			
	Khuôn đúc mẫu bê tông lập phương Kích thước 150x150x150mm	Chiếc	100	
	Khuôn đúc mẫu bê tông trụ bằng thép – VN Kích thước 150x300mm	Chiếc	30	
2	Bộ cone thử độ sụt bê tông bằng inox Xuất xứ- VN Xác định độ sụt của hỗn hợp bê tông Trọn bộ: cone sụt, bản đế, thanh đầm, phễu,	Bộ	04	

CÔNG TY TNHH MTV TƯ VẤN & KIỂM ĐỊNH TRƯỜNG VĨ

	muôi súc và thanh đo			
3	Thùng xác định hàm lượng chung bụi bùn, sét của cát	Chiếc	01	
	Xuất xứ - VN Thùng rửa thể tích: 5 lít với khóa van và vòi tràn			
4	Thùng xác định HL chung bụi bùn, sét của đá	Chiếc	01	
	Xuất xứ - VN Thùng rửa thể tích; 17 lít với khóa van và vòi tràn.			
5	Bộ dụng cụ XD khối lượng thể tích của cát	Bộ	01	
	Xuất xứ: VN Bộ cho cát: Phễu ngược loại nhỏ, giá đỡ, vật kê			
6	Bộ dụng cụ XDKL thể tích của đá	Bộ	01	
	Xuất xứ - VN Bao gồm: Phễu ngược giá đỡ, vật kê			
7	Thùng đong 1,2,5,10,20 lít	Bộ	01	
8	Xi lanh thử độ nén đập - VN	Bộ	02	
	Tiêu chuẩn cần phải đáp ứng: BS 812, UNE 83 112. Dùng cho các hạt cốt liệu có kích thước lớn hơn 9.5mm - Thiết bị được cung cấp cùng với chày coouis có đường kính: 75, 150 mm. Tấm đế và thanh quay			
9	Bảng màu chuẩn -Việt Nam	Bộ	01	
10	Cone chày hấp phụ nước của cát	Bộ	01	
11	Dụng cụ XD góc nghỉ tự nhiên của cát	Bộ	01	
12	Bếp cách cát	Bộ	01	
	Cung cấp bao gồm: Bếp điện đơn và khay cách cát			

CÔNG TY TNHH MTV TƯ VẤN & KIỂM ĐỊNH TRƯỜNG VĨ

13	Máy thử độ bền nén - Kiểu: TYA-300	Cái	01	
14	Máy thử độ bền nén - Kiểu: TYA-2000	Cái	01	
15	Máy thử mài mòn Los Angeles	Cái	01	
	THIẾT BỊ THỬ NGHIỆM CÁC CHỈ TIÊU CƠ LÝ CỦA THÉP - MỐI HÀN			
1	Máy kiểm tra đa năng (Uốn/kéo/nén)	Chiếc	01	
	<p>Model: WE-1000B</p> <p>Hãng sản xuất: Jinhua Jinshi – Trung Quốc</p> <p>Kiểm tra giới hạn chảy, giới hạn bền, độ dẫn dài tương đối, độ thắt của kim loại, khả năng chịu uốn</p> <p>Lực kiểm tra lớn nhất 1000KN</p> <p>Dải kiểm tra:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Từ 0 đến 200KN thang chia 0.5 KN - Từ 0 đến 500KN thang chia 1 KN - Từ 0 đến 1000KN thang chia 2 KN - Gia tải thủy lực 			
	<p>Má kẹp thủy lực</p> <p>Khoảng cách lớn nhất giữa hai má kẹp: 640mm</p> <p>Độ rộng để kiểm tra mẫu thép tấm: 80mm</p> <p>Chiều dày của thép tấm được kiểm tra: 0-40mm</p> <p>Có thể kiểm tra các mẫu thép tròn đường kính từ 20-60mm</p> <p>Khoảng cách giữa các gối cầu để kiểm tra uốn 1000-760mm</p> <p>Khoảng cách giữa hai khung kiểm tra kéo: 720mm</p> <p>Khoảng cách giữa hai thanh kiểm tra kéo 700mm</p> <p>Công suất: 1.5Kw</p> <p>Kích thước máy chính: 1060x760x2400mm</p>			

CÔNG TY TNHH MTV TƯ VẤN & KIỂM ĐỊNH TRƯỜNG VĨ

	Kích thước tủ điều khiển: 1050x770x1778mm Trọng lượng: 3.300 Kg <u>Kiểu dáng và đóng gói theo tiêu chuẩn xuất khẩu</u> Phụ kiện tiêu chuẩn theo máy WE – 1000 B			
	Bộ kẹp cho thép tấm 0-40mm	Bộ	01	
	Bộ kẹp cho thép tròn các cỡ từ D14-D60	Bộ	01	
	Bộ phụ kiện cho kiểm tra uốn	Bộ	01	
	Bộ tấm ép	Bộ	01	
	Bu lông neo	Bộ	01	
	Quả gia tải B&C	Bộ	01	
	Dầu thủy lực	lít	15	
	Bộ dụng cụ tháo lắp	Bộ	01	
	Sách hướng dẫn sử dụng	Bộ	01	
	Điện áp sử dụng: 380V-3 Pha			
	Chi phí kiểm định thiết bị	Lần	01	
2	Thiết bị siêu âm môi hàn- Kiểu: SONATEST	Cái	01	
	THIẾT BỊ THÍ NGHIỆM CÁC CHỈ TIÊU CỦA ĐẤT			
1	Máy nén Tam Liên - Trung Quốc	Bộ	02	
	Hãng sản xuất: XIYI - Trung Quốc Model WG – 1C (WG) Xác định tính nén lún trong phòng thí nghiệm Trọn bộ sử dụng với 3 mẫu Gồm: Bàn nén cố kết, Khung nén, hộp mẫu, đá thấm, dao vòng đồng hồ đo lún, bộ gia tải Chi phí kiểm định máy và 3 đồng hồ			
2	Máy cắt đất - Trung Quốc	Chiếc	01	
	Hãng sản xuất: XIYI - Trung Quốc			

CÔNG TY TNHH MTV TƯ VẤN & KIỂM ĐỊNH TRƯỜNG VĨ

	<p>Model ZJ (EDJ-II)</p> <p>Xác định sự chống cắt trong phòng thí nghiệm</p> <p>Trọn bộ sử dụng: Bàn cắt, bộ điều khiển tốc độ cắt, cung lực</p> <p>Hộp tạo mẫu, dao vòng, đá thấm, đồng hồ đo lún, bộ gia tải</p> <p>Nguồn điện: 220V/50Hz một pha</p> <p>Chi phí kiểm định thiết bị</p>			
3.1	Máy CBR trong phòng thí nghiệm – Việt Nam	Cái	01	
	<p>XĐ chỉ số CBR của đất</p> <p>Khả năng chịu tải 100KN</p> <p>Công suất 750W</p> <p>Cung cấp trọn bộ sử dụng bao gồm: Thân máy chính, piston xuyên</p>			
3.2	Vòng biến ứng 50KN - Trung Quốc	Cái	01	
	Chi phí kiểm định thiết bị Cung lực	Lần	Bao gồm	
4	Khuôn CBR	Bộ	06	
	Bao gồm: Thân khuôn, đế khuôn, gia tải tròn, gia tải rãnh, giá đỡ đồng hồ, tấm đo trương nở			
5	Đồng hồ đo trương nở - Trung Quốc	Cái	06	
	Dải đo 0-10mm. Độ dọc 0.01mm			
	Chi phí kiểm định thiết bị (Đồng hồ so)	Lần	06	
6	Đĩa đệm cho tạo mẫu CBR	Cái	02	
7	Bộ chày cối proctor tiêu chuẩn - VN	Bộ	02	
	<p>Theo tiêu chuẩn ASTM - D 558 AASHTO – T99</p> <p>Cối Proctor tiêu chuẩn 6” dia x4.584” heig</p> <p>Chày Proctor tiêu chuẩn 2.49 Kg, độ cao đầm 475.8mm</p>			
8	Bộ chày cối Proctor tiêu chuẩn - VN	Bộ	02	

CÔNG TY TNHH MTV TƯ VẤN & KIỂM ĐỊNH TRƯỜNG VĨ

	Theo tiêu chuẩn ASTM D558- AASHTO T99 Cối Proctor tiêu chuẩn 4 dia x 4.584” heig Chày Proctor tiêu chuẩn 2.49 Kg độ cao đâm 304.8mm			
9	Bộ xác định giới hạn Casagrande – Việt Nam	Bộ	01	
	Bộ Casagrande với bộ đếm số lần rơi Dao khí rạch Casagrande			
	Dao trộn khía rạch theo ASTM Bát trộn			
10	Tấm kính nhám 300x300x10 mm	Cái	01	
11	Bình khối lượng riêng - Trung Quốc	Cái	10	
	Thể tích 100 ml			
12	Hộp nhôm thí nghiệm độ ẩm của cốt liệu	Cái	50	
13	Bộ cối chày đồng - Trung Quốc	Bộ	01	
14	Bộ cối chày sứ	Bộ	01	
15	Ống đong - Trung Quốc			
	Dung tích: 50ml Dung tích: 100ml Dung tích: 250ml Dung tích: 500ml Dung tích: 1000ml	Chiếc	02	
16	Tỉ trọng kế - Mỹ	Chiếc	01	
17	Bình tam giác			
	Dung tích: 100ml Dung tích: 250ml Dung tích: 1000ml	Chiếc	02	
18	Dụng cụ xác định hệ số thấm của đất	Bộ	01	

CÔNG TY TNHH MTV TƯ VẤN & KIỂM ĐỊNH TRƯỜNG VĨ

	<p>Model: TST 55 - TQ Đá thấm, 02 roăng cao su dự phòng Bảng đo độ thấm bằng cột nước không đổi - VN</p>			
	<p>THIẾT BỊ THÍ NGHIỆM CÁC CHỈ TIÊU CƠ TÍNH CỦA ĐẤT TẠI HIỆN TRƯỜNG</p>			
1	<p>Bộ đo E bằng tấm ép cứng</p>	Cái	01	
	<p>Xuất xứ - Việt Vam Xác định modun đàn hồi của đất và vật liệu áo đường tại hiện trường Cung cấp bao gồm: Kích 32 Tấn và đồng hồ đo áp lực, đế nén D= 340mm, thanh ngang tay kép và đồng hồ so Chi phí kiểm định thiết bị (Kích thủy lực)</p>			
2	<p>Thí nghiệm đo modun đàn hồi bằng cần Benkenman</p>	Bộ	01	
	<p>Xuất xứ - Việt Nam Xác định modun đàn hồi theo độ võng đàn hồi dưới bánh xe Loại cần rủy: tiện dụng cho mang đi hiện trường Chi phí kiểm định thiết bị</p>			
3	<p>Thước 3m</p>	Cái	01	
	<p>Xuất xứ - VN Xác định độ bằng phẳng của mặt đường</p>			
4	<p>Bộ dao vòng lấy mẫu đất hiện trường</p>	Bộ	01	
	<p>Xuất xứ - VN Dung tích dao lấy mẫu đất 300cm³ Goong: 01 búa giã, 03 dao vòng</p>			
5	<p>Phễu rót cát - VN</p>	Bộ	03	
	<p>Gồm: bình cát và tấm đế định dạng</p>			
6	<p>Bộ dụng cụ xác định độ nhám mặt đường</p>	Bộ	01	

CÔNG TY TNHH MTV TƯ VẤN & KIỂM ĐỊNH TRƯỜNG VĨ

	bằng PP rắc cát			
7	Búa thử cường độ bê tông	Cái	02	
	Model: C380 - hãng matest - Italia Thang đo: 10-70 N/mm2 Cung cấp trong túi đựng: Máy chính, viên đá mài, sách hướng dẫn sử dụng thiết bị Phí kiểm định búa thử cường độ bê tông			
8	Máy siêu âm bê tông	Bộ	02	
	Model: C369 - Hãng sản xuất MATEST - Italia			
9	Thiết bị dò vị trí cốt thép - kiểu: Profometer PM6	Bộ	01	
10	Máy đo điện trở = Kiểu: KYORITSU - KEW 4105A	Bộ	01	
	THIẾT BỊ DÙNG CHO NHỰA ĐƯỜNG VÀ BTN			
1	Máy + Vòng đo lực Máy thử độ bền nén Mashall - Kiểu: TLB 213	Bộ	01	
2	Bộ thiết bị kiểm tra kim lún	Bộ	01	
3	Thiết bị kiểm tra bắt lửa	Bộ	01	
4	Máy chiết tách nhựa ly tâm	cái	01	
5	Máy kiểm tra độ kéo dài	cái	01	
6	Bộ dụng cụ tạo mẫu Mashall	Bộ	02	
7	Bộ khuôn tạo mẫu	Cái	12	
8	Kích tháo mẫu	Cái	02	
9	Bể ổn nhiệt	Cái	02	
10	Máy khoan BTN	Cái	02	

CÔNG TY TNHH MTV TƯ VẤN & KIỂM ĐỊNH TRƯỜNG VĨ

	THIẾT BỊ DÙNG CHUNG CHO CÁC THÍ NGHIỆM			
1	Cân điện tử	Chiếc	01	
	Hãng sản xuất: OHAUS – Mỹ Model: BC30 Khả năng cân:30 Kg Độ đọc 1g Đĩa cân Inox Màn hình LCD Các phím vận hành riêng biệt Pin sạc hiện trường sử dụng 80 giờ liên tục Cung cấp kèm theo : AC Adapter Nguồn điện: 220v/50Hz một pha Chi phí kiểm định thiết bị			
2	Cân kỹ thuật điện tử	Cái	01	
	Model: DJ – 400TW Hãng sản xuất: Shinko – Nhật Bản Khả năng cân: 4000g Độ đọc 0.01 g Nguồn điện 220v/50Hz Chi phí kiểm định thiết bị			
3	Cân kỹ thuật điện tử	Cái	01	
	Model: CB 201835 Hãng sản xuất: N/A Khả năng cân: 1000g Độ đọc 0.01 g Nguồn điện 220v/50Hz Chi phí kiểm định thiết bị			
4	Tủ sấy – Trung Quốc	Cái	01	

CÔNG TY TNHH MTV TƯ VẤN & KIỂM ĐỊNH TRƯỜNG VĨ

	<p>Hãng sản xuất: XIYI - Trung quốc Model: 101-2 Dung tích 126 lít Nhiệt độ: Từ 50-300 độ Điện áp : 220v/50Hz 1 pha</p>			
5	Đồng hồ bấm giây -Trung Quốc	Cái	02	
6	Máy hút chân không - TQ			
	Lưu lượng hút: 60-70 lít/p Độ chân không có thể đạt tới 0.05 mbar Cung cấp kèm theo ống cao su chịu áp, ba van nhánh và đồng hồ chân không			
7	Bình hút chân không ĐK300mm có vòi -TQ	Cái	01	
8	Bộ sàng tiêu chuẩn lỗ vuông ĐK300mm bằng thép mạ - TQ	cái	35	
	Gồm: 75;50;40;37.5;31.5;25;20;19;16;12.5;10;9.5;8; 5;4.74;4;2.5;2.36;2;1.7;1.25;1.18;1.0.63;0.5 0.425;0.315;0.25;0.15;0.14;0.075;0.071+ ĐN			
9	Bộ phễu rót cát	Bộ	03	
10	Bộ rút sục bê tông	Bộ	02	
11	Khuôn mẫu 15x15x15	Cái	100	
12	Khuôn mẫu Bt 15x30	Cái	60	
13	Thiết bị kiểm tra ép nước, đổ nước tại hiện trường	Bộ	02	
14			

6. Diện tích và môi trường thử nghiệm

Sơ đồ mặt bằng và diện tích phòng thí nghiệm

- Diện tích phòng thí nghiệm:

+ Diện tích phòng báo cáo số liệu 50m²

- + Diện tích phòng làm thí nghiệm: 60m²
- + Diện tích sân lưu mẫu: 50m²
- Sơ đồ phòng thí nghiệm: (Có sơ đồ kèm theo)
- Môi trường và các bộ phận thí nghiệm:

Phòng thí nghiệm kiểm định xây dựng được bố trí điều hoà nhiệt độ, quạt trần để đảm bảo duy trì nhiệt độ phù hợp theo quy định trong phòng thí nghiệm. Phòng thí nghiệm được đặt tại nơi không có tiếng ồn và chấn động lớn, vị trí thoáng mát, sạch đẹp.

Mặt khách phòng thí nghiệm đảm bảo không làm ô nhiễm môi trường xung quanh bằng các biện pháp như sau:

- + Chất thải, vật liệu sau khi sử dụng được tập trung tại nơi quy định và vận chuyển về khu vực bãi thải.
- + Chất thải là chất thải lỏng dễ cháy như dầu, mỡ, bi tum... được chứa vào thùng sắt có nắp đậy và vận chuyển về nơi quy định.

7. Danh mục các phép thử, loại phép thử do phòng thí nghiệm thực hiện.

TT	Tên chỉ tiêu thí nghiệm	Tiêu chuẩn kỹ thuật (*)
THỬ NGHIỆM CƠ LÝ XI MĂNG		
1.	Độ mịn, khối lượng riêng của xi măng	TCVN 4030-03; AASHTO T153/T128; ASTM C204/C184; IS R5201
2.	Xác định giới hạn bền uốn và nén	TCVN 6016-11; AASHTO T106; ASTM C109; JIS R5201
3.	XĐ độ dẻo tiêu chuẩn, thời gian đông kết, tính ổn định thể tích	TCVN 6017-15; AASHTO T129/T131; ASTM C187/C191; JIS R5201
THỬ CỐT LIỆU BÊ TÔNG VÀ VỮA		
4.	Thành phần cỡ hạt, modun độ lớn	TCVN 7572-2:06; AASHTO T27; ASTM C136; JIS A1102
5.	Xác định khối lượng riêng, khối lượng thể tích và độ hút nước	TCVN 7572-4:06; AASHTO T84; ASTM C128; JIS A1109
6.	Xác định khối lượng riêng; khối lượng thể tích và độ hút nước của đá gốc và cốt liệu lớn	TCVN7572-5:06; AASHTO T85; ASTM C127; JIS A1110
7.	Xác định khối lượng thể tích và độ xốp và độ hồng	TCVN7572-6:06; AASHTO T19; ASTM C29; JIS A1104
8.	Xác định độ ẩm	TCVN7572-7:06; AASHTO T255; ASTM C566; JIS A1203
9.	Xác định hàm lượng bùn, bụi, sét trong cốt liệu và hàm lượng sét cục trong cốt liệu	TCVN 7572-8:06; AASHTO T112; ASTM C142; JIS

CÔNG TY TNHH MTV TƯ VẤN & KIỂM ĐỊNH TRƯỜNG VĨ

	nhỏ	A1137
10.	Xác định tạp chất hữu cơ	TCVN 7572-9:06; AASHTO T21; ASTM C40; JIS A1105
11.	Xác định cường độ và hệ số hoá mềm của đá gốc	TCVN 7572-10:06; ASTM D2938
12.	XĐ độ nén đập và hệ số hoá mềm của cốt liệu lớn	TCVN 7572-11:2006
13.	Xác định độ hao mài mòn khi va đập của cốt liệu lớn (Los Angeles)	TCVN 7572-12:06; AASHTO T96/T327; ASTM C131/C535; JIS A 1121
14.	Xác định hàm lượng hạt thoi dẹt trong cốt liệu lớn	TCVN 7572-13:06; BS 812 AASHTO T335
15.	Xác định hàm lượng hạt mềm yếu, phong hoá	TCVN 7572-17:06; JIS A1126
16.	Xác định hàm lượng mica	TCVN 7572-20:06
17.	Xác định Hệ số (ES)	ASTM D2419
18.	Xác định hàm lượng hạt bị đập vỡ	TCVN 7572-18:06
HỖN HỢP BÊ TÔNG VÀ BÊ TÔNG NẶNG		
19.	Xác định độ sụt của hỗn hợp bê tông nặng	TCVN 3106-93; AASHTO T119; ASTM C143; JIS A 1101
20.	Xác định khối lượng thể tích của hỗn hợp bê tông nặng	TCVN 3108-93; AASHTO T121; ASTM C138; JIS A1116
21.	Xác định độ tách nước, tách vữa	TCVN 3109-93; AASHTO T158 ASTM C232
22.	Xác định hàm lượng bọt khí của bê tông	TCVN 3111-93; AASHTO T152 ASTM C231/C173; JIS A 1128
23.	Xác định khối lượng riêng	TCVN 3112-93
24.	Xác định độ hút nước	TCVN 3113-93; AASHTO T318; ASTM C127/C128/C642
25.	Xác định độ mài mòn	TCVN 3114 : 93
26.	Xác định khối lượng thể tích	TCVN 3115-93; AASHTO T121; ASTM C138/C642
27.	Xác định độ chống thấm nước	TCVN 3116-93; ASTM C403
28.	Xác định giới hạn bền nén	TCVN 3118-93; AASHTO T22, T140, T24; ASTM C39, C42, C40; JIS A1108/A1107

CÔNG TY TNHH MTV TƯ VẤN & KIỂM ĐỊNH TRƯỜNG VĨ

29.	Xác định giới hạn bền kéo khi uốn	TCVN 3119 : 93
30.	Xác định cường độ kéo khi bẻ	TCVN 3120:1993
31.	Xác định mô đun đàn hồi khi nén tĩnh của bê tông	TCVN 5726:93; ASTM C469 JIS A1127/A1149
32.	Xác định tải trọng của cột điện bê tông cốt thép	TCVN 5847 : 1994
PHÉP THỬ CÁC CHỈ TIÊU CƠ LÝ CỦA VỮA XÂY DỰNG		
33.	Xác định kích thước hạt cốt liệu lớn nhất	TCVN 3121-1:03
34.	Xác định độ lưu động của vữa tươi	TCVN 3121-3:03; ASTM C1437
35.	Xác định khối lượng thể tích vữa tươi	TCVN 3121-6:03
36.	Xác định thời gian bắt đầu ninh kết của vữa	TCVN 3121-9:03; ASTM C1102 /C1398/C807
37.	Xác định khối lượng thể tích mẫu vữa đã đóng rắn	TCVN 3121-10:03
38.	Xác định cường độ uốn và nén của vữa đã đóng rắn	TCVN 3121-11:03; AASHTO T106; ASTM C109
39.	Xác định độ hút nước của vữa đã đóng rắn	TCVN 3121-18:03
40.	Xác định độ chảy	TCVN 9204:2012; ASTM C939; JIS R5201
41.	Xác định độ co ngót của vữa	ASTM C490
42.	Xác định độ trương nở và tách nước của vữa	TCVN 9204:2012; ASTM C940;
PHÉP THỬ CÁC CHỈ TIÊU CƠ LÝ CỦA GẠCH XÂY		
43.	Xác định kích thước và khuyết tật ngoại quan	TCVN 6355-1:2009
44.	Xác định cường độ nén	TCVN 6355-2:2009
45.	Xác định cường độ uốn	TCVN 6355-3:2009
46.	Xác định độ hút nước	TCVN 6355-4:2009
47.	Xác định khối lượng thể tích, khối lượng riêng	TCVN 6355-5:2009
48.	Xác định độ rỗng của gạch xây	TCVN 6355-6:2009
49.	Xác định vết tróc do vôi của các loại gạch xây	TCVN 6355-7:2009
50.	Xác định sự thoát muối của gạch xây	TCVN 6355-8:2009
PHÉP THỬ CÁC CHỈ TIÊU CƠ LÝ CỦA GẠCH BLOCK BÊ TÔNG		

CÔNG TY TNHH MTV TƯ VẤN & KIỂM ĐỊNH TRƯỜNG VĨ

51.	Xác định kích thước và mức khuyết tật ngoại quan	TCVN 6477:2016
52.	Xác định cường độ nén	TCVN 6477: 2016
53.	Xác định độ hút nước	TCVN 6477: 2016
54.	Xác định độ rỗng	TCVN 6477: 2016
55.	Xác định độ thấm nước	TCVN 6477: 2016
PHÉP THỬ CÁC CHỈ TIÊU CƠ LÝ CỦA THÉP VÀ VẬT LIỆU KIM LOẠI		
56.	Thử kéo kim loại	TCVN 197:2014; AASHTO T68; ASTM A370; JIS Z2241
57.	Thử uốn kim loại	TCVN 198-2008; AASHTO T68; ASTM A370; JIS Z2248
58.	Mối hàn kim loại: Thử kéo	TCVN 5403-1991; AASHTO T68; ASTM A370
59.	Mối hàn kim loại: Thử uốn	TCVN 5401-2010; AASHTO T68;
60.	Thử kéo bu lông, vít cấy, đai ốc, tăng đơ, mối nối bằng ống ren	TCVN 8163:09; ASTM F606M-16; ASTM E164
61.	Thanh profile, xác định: kích thước, độ bền góc hàn, độ chịu va đập	TCVN 7452:04; TCVN 7451:04; TCVN 9366:12; ISO 140-3:1995
62.	Thử ống thép đen, ống thép mạ kẽm, ống kim loại: kiểm tra hình dạng, kích thước, thử kéo, thử uốn, kiểm tra chiều dày lớp mạ kẽm	TCVN 7972:2008 BS 1387:1985
63.	Kiểm tra không phá hủy mối hàn –Phương pháp siêu âm	TCVN 6735:2000; TCVN 1548:87; ASTM E16
64.	Thử nghiệm phá hủy mối hàn kim loại - Thử kéo ngang	TCVN 8310:10
65.	Thử nghiệm phá hủy mối hàn kim loại - Thử kéo dọc	TCVN 8311:10
66.	Xác định chiều dày lớp phủ sơn, mạ kẽm nóng	TCVN 2095:1993; TCVN 5408:2007; ISO 01461:1999
67.	Kiểm tra rọ đá, thảm đá và sản phẩm lưới lọc giác: kiểm tra hình dạng kích thước mắt lưới, kích thước dây, thử kéo, độ giãn dài, khối lượng riêng, độ cứng, module đàn hồi, lực căng khối lượng lớp mạ	TCVN 10335: 2014
CÁC CHỈ TIÊU VẢI ĐỊA KỸ THUẬT, BẮC THẨM VÀ VỎ BỌC BẮC		

CÔNG TY TNHH MTV TƯ VẤN & KIỂM ĐỊNH TRƯỜNG VĨ

THẨM		
68.	Xác định độ dày tiêu chuẩn	TCVN 8220-2009; ASTM D5199
69.	Xác định khối lượng trên đơn vị diện tích.	ASTM D5261; TCVN 8221-2009
70.	Xác định kích thước lỗ biểu kiến	TCVN 8871-6:11; ASTM D4751
71.	Xác định độ thấm xuyên	TCVN 8487:2010; ASTM D4491/D4176
72.	Xác định lực xé rách hình thang	TCVN 8871-2:2011; ASTM D4533
73.	Xác định lực kéo giật và độ giãn dài kéo giật	TCVN 8871-1:2011; ASTM D4632
74.	Xác định cường độ chịu kéo và độ giãn dài	ASTM D4595; TCVN 8485:2010
CƠ LÝ BENTONITE, BỘT SÉT		
75.	Xác định: Khối lượng riêng, hàm lượng cát, độ pH, độ nhớt biểu kiến, lực cắt tĩnh, xác định tỷ lệ chất keo, lượng mất nước, độ dày áo sét, độ ổn định, hàm lượng cát	TCVN 11893:2017
THỬ NGHIỆM ĐÁ ỐP LÁT, GẠCH ỐP LÁT		
76.	Xác định kích thước bề mặt	TCVN6415-2:05
77.	Xác định độ hút nước, khối lượng riêng.	TCVN6415-3:05
78.	Xác định độ bền uốn	TCVN6415-4:05
79.	Xác định độ cứng bề mặt theo thang Mohs	TCVN6415-18:05
ỐNG VÀ PHỤ KIỆN HDPE, Ống VÀ PHỤ KIỆN PVC, Ống BẢO ÔN		
80.	Ống và phụ tùng nối bằng PVC xác định: kích thước; độ bền áp suất; độ bền va đập	TCVN 6151:1996; TCVN 6149:2007
81.	Ống nhựa gân xoắn HDPE xác định: kích thước và sai lệch; độ bền của ống trong môi trường hóa chất, độ biến dạng hình học và áp lực nén của ống	TCVN 9070:2012
82.	Xác định độ bền kéo và giãn dài	TCVN 7434:2004
THÍ NGHIỆM GẠCH BÊ TÔNG NHẹ		
83.	Xác định hình dạng, kích thước	TCVN 9030:2011
84.	Xác định cường độ chịu nén	TCVN 9030:2011
85.	Xác định khối lượng thể tích khô	TCVN 9030:2011
86.	Xác định độ xốp biểu kiến	TCVN 9030:2011

CÔNG TY TNHH MTV TƯ VẤN & KIỂM ĐỊNH TRƯỜNG VĨ

87.	Xác định độ hút nước	TCVN 9030:2011
88.	Xác định khối lượng riêng	TCVN 9030:2011
PHÉP THỬ CÁC CHỈ TIÊU CỦA PHỤ GIA KHOÁNG HOẠT TÍNH CAO		
89.	Xác định lượng mất khi nung	TCVN 141-08; JIS R5202
90.	Xác định Lượng sót trên sàng 0.045mm	ASTM C430
91.	Xác định chỉ số hoạt tính	TCVN 8827:2011; TCVN 6016:2011
THÍ NGHIỆM BỘT BÀ		
92.	Khối lượng thể tích, độ mịn	TCVN 7239:2003
93.	Xác định thời gian đông kết	TCVN 7239:2003
94.	Độ bền nước, độ hút nước	TCVN 7239:2003
95.	Độ cứng bề mặt	TCVN 7239:2003
96.	Độ bám dính với nền	TCVN 7239:2003
PHÉP THỬ CÁC CHỈ TIÊU CƠ LÝ ĐẤT		
97.	Xác định khối lượng riêng (tỷ trọng)	TCVN 4195-2012; AASHTO T100; ASTM D854
98.	Xác định độ ẩm và độ hút ẩm	TCVN 4196-2012; AASHTO T265; ASTM D2216; JIS A1203
99.	Xác định giới hạn chảy, Giới hạn dẻo	TCVN 4197-2012; AASHTO T89/T90; ASTM D4318; JIS A1205
100.	Xác định thành phần cỡ hạt	TCVN 4198-2014; AASHTO T88, T27; ASTM D1140/422/D42/D4718
101.	Xác định đầm chặt tiêu chuẩn	TCVN 4201:2012 AASHTO T99, T180; ASTM D1557/D698/D558; JIS A1210
102.	Xác định khối lượng thể tích (dung trọng)	TCVN 4202-2012; ASTM D2937, D4914
103.	Thí nghiệm sức chịu tải của đất (CBR) trong phòng thí nghiệm	22TCN 332-2006; AASHTO T193; ASTM D1883; JIS A1222
104.	Xác định sức chống cắt trên máy cắt phẳng	TCVN 4199-1995; AASHTO T236; ASTM D3080
105.	Xác định tính nén lún trong điều kiện không nở hông	TCVN 4200:2012

CÔNG TY TNHH MTV TƯ VẤN & KIỂM ĐỊNH TRƯỜNG VĨ

106.	Thí nghiệm nén 1 trục có nở hông	ASTM D2166
107.	Xác định góc nghỉ tự nhiên của đất rời	TCVN 8724:2012
108.	Thí nghiệm đầm nén đất, đá dăm trong phòng thí nghiệm	22TCN 333:06
109.	Thí nghiệm cắt cánh trong phòng	TCVN 8725:2012; ASTM D2579-78
110.	Xác định khối lượng thể tích khô lớn nhất và nhỏ nhất của đất rời trong phòng thí nghiệm	TCVN 8721:2012
111.	Xác định hệ số thấm của đất trong PTN	TCVN 8723:2012
112.	Xác định hàm lượng hữu cơ của đất	TCVN 8726:2012
THÍ NGHIỆM HIỆN TRƯỜNG		
113.	Đo chuyển vị ngang của đất nền, đo chuyển vị ngang nhà và công trình, đo nghiêng công trình	TCVN 9364:12; TCVN 9399:12; TCVN 9400:12; ASTM D6230
114.	Đo lún công trình	TCVN 9360:2012; ASTM D6598
115.	Đo độ võng công trình	22TCN 170-87
116.	Khối lượng thể tích của vật liệu trong lớp kết cấu bằng phương pháp rót cát	22TCN 346-2006; TCVN 8729:2012 AASHTO T191; ASTM D1556; JIS A1214
117.	Đo dung trọng của vật liệu bằng phương pháp dao đai	TCVN 8729:2012; 22TCN 02:1971; AASHTO T204; ASTM D 2937
118.	Xác định độ bằng phẳng của mặt đường bằng thước dài 3m	TCVN 8864:2011; ASTM E950/E1082
119.	Xác định mô đun đàn hồi chung của kết cấu bằng cần đo võng Benkelman	TCVN 8867:2011; AASHTO T256; ASTM D 4685
120.	Xác định mô đun đàn hồi bằng phương pháp sử dụng tấm ép cứng	TCVN 8861:2011 AASHTO T221; ASTM D 1195
121.	Cọc - PP thí nghiệm tại hiện trường bằng tải trọng tĩnh ép dọc trục	TCVN 9393:2012 ASTM D1143
122.	Phương pháp không phá hoại sử dụng máy đo siêu âm và súng bật nảy để xác định cường độ bê tông	TCVN 9335:2012; ASTM C805M; JIS A1155
123.	Phương pháp không phá hoại sử dụng súng bật nảy để xác định cường độ bê tông	TCVN 9334:2012
124.	Xác định chỉ số CBR của nền đất và các lớp móng đường bằng vật liệu rời tại hiện	TCVN 8821-2011 ASTM D4429

CÔNG TY TNHH MTV TƯ VẤN & KIỂM ĐỊNH TRƯỜNG VĨ

	trường	
125.	Đo điện trở đất	TCVN 9385:2012
126.	Xác định độ thấm nước của đất/đá bằng phương pháp đổ nước - ép nước hố đào và hố khoan	TCVN 8731:2012; 14TCN 83:91 TCVN 9148:2012 ;ASTM D4105
127.	Thí nghiệm gia tải cấu kiện bê tông và bê tông cốt thép đúc sẵn đánh giá độ bền, độ cứng và khả năng chống nứt	TCVN 9347:2012
128.	Xác định cường độ kéo nhỏ giữa cốt thép, bulông và bê tông	TCVN 9490:2012; ASTM C900-06; ASTM 4435:08; EN-12504-3; 22TCN 60:84
129.	Xác định tải trọng của mương bê tông cốt thép thành mỏng đúc sẵn	TCVN 6394:2014
130.	Xác định tải trọng của nắp hố ga, nắp chắn rác, nắp bể cáp	BS EN 124:2015; TCVN 10333-3:2014
131.	Xác định tải trọng của hố ga thu nước mưa và hố ngăn mùi	TCVN 10333-1:2014
PHÉP THỬ CÁC CHỈ TIÊU CƠ LÝ CỦA NHỰA ĐƯỜNG		
132.	Xác định độ kim lún, PI	TCVN 7495:2005; AASHTO T49; ASTM D5; JIS K2530
133.	Xác định độ kéo dài	TCVN 7496:2005; AASHTO T51; ASTM D113
134.	Xác định điểm hoá mềm (dụng cụ vòng và bi)	TCVN 7497:2005; AASHTO T53; ASTM D36; JIS K2531
135.	Xác định điểm chớp cháy và điểm cháy bằng thiết bị thử cốc hở Cleveland	TCVN 7498:2005; AASHTO T48; ASTM D92;
136.	Xác định tổn thất khối lượng sau khi gia nhiệt.	TCVN 7499:2005; AASHTO T47; ASTM D1754; ASTM D6
137.	Xác định khối lượng riêng (Phương pháp Pycnometer)	TCVN 7501:2005; AASHTO T228; ASTM D70
138.	Xác định độ dính bám với đá	TCVN 7504:2005 ; AASHTO T195; ASTM D2489
139.	Xác định hàm lượng paraffin bằng phương pháp chưng cất	TCVN 7503:2005
140.	Xác định độ bong bọc nhựa trong cốt liệu	AASHTO T182
PHÉP THỬ CÁC CHỈ TIÊU CƠ LÝ CỦA NHỰA ĐƯỜNG POLIMER		
141.	Xác định độ ổn định lưu trữ	22TCN 319-04; ASTM D5892

CÔNG TY TNHH MTV TƯ VẤN & KIỂM ĐỊNH TRƯỜNG VĨ

142.	Xác định độ đàn hồi	22TCN 319-04; ASTM D6084
PHÉP THỬ CÁC CHỈ TIÊU CƠ LÝ CỦA NHỰA ĐƯỜNG AXIT		
143.	Xác định độ lắng và độ ổn định lưu trữ	TCVN 8817-3:2011
144.	Xác định lượng hạt quá cỡ (thử nghiệm sàng)	TCVN 8817-4:2011
145.	Xác định độ khử nhũ	TCVN 8817-6:2011
146.	Thử nghiệm trộn với xi măng	TCVN 8817-7:11
147.	Xác định độ bán dính và sức chịu nước	TCVN 8817-8:11
148.	Thử nghiệm chung cát	TCVN 8817-9:11
149.	Thử nghiệm bay hơi	TCVN 8817-10:11
150.	Xác định trộn lẫn với nước	TCVN 8817-13:11
151.	Xác định khối lượng thể tích	TCVN 8817-14:11
152.	Xác định độ bám dính với cốt liệu hiện trường	TCVN 8817-15:11
PHÉP THỬ CÁC CHỈ TIÊU CƠ LÝ CỦA NHỰA ĐƯỜNG LỎNG		
153.	Xác định nhiệt độ bắt lửa	TCVN 8818-2:2011; AASHTO T79; ASTM D3143
154.	Xác định hàm lượng nước	TCVN 8818-3:2011; AASHTO T55; ASTM D95
155.	Thử nghiệm chung cát	TCVN 8818-4:2011; AASHTO T78; ASTM D402
156.	Thử nghiệm xác định độ nhớt tuyệt đối	TCVN 8818-5:11
PHÉP THỬ CÁC CHỈ TIÊU CƠ LÝ CỦA BÊ TÔNG NHỰA		
157.	Xác định độ ổn định, độ dẻo Marshall	TCVN 8860-1:2011 AASHTO T245/ T167; ASTM D1559/D6927
158.	Xác định hàm lượng nhựa bằng phương pháp chiết sử dụng máy quay li tâm	TCVN 8860-2:2011 AASHTO T164A; ASTM D2172
159.	Xác định thành phần hạt	TCVN 8860-3:2011 AASHTO T27; ASTM C136
160.	Xác định tỷ trọng lớn nhất, khối lượng riêng của bê tông nhựa ở trạng thái rời	TCVN 8860-4:2011 AASHTO T209; ASTM D2041

CÔNG TY TNHH MTV TƯ VẤN & KIỂM ĐỊNH TRƯỜNG VĨ

161.	Xác định tỷ trọng khối, khối lượng thể tích của bê tông nhựa đã đầm nén	TCVN 8860-5:2011 AASHTO T166 ASTM D2726
162.	Xác định độ chảy nhựa	TCVN 8860-6:2011
163.	Xác định độ góc cạnh của cát	TCVN 8860-7:2011; AASHTO T304
164.	Xác định hệ số độ chặt lu lèn	TCVN 8860-8:2011 AASHTO T230
165.	Xác định độ rỗng dư	TCVN 8860-9:2011 AASHTO T269; ASTM D3203
166.	Xác định độ rỗng của cốt liệu	TCVN 8860-10:2011
167.	Xác định độ rỗng lấp đầy nhựa	TCVN 8860-11:2011
168.	Xác định độ ổn định còn lại của bê tông nhựa	TCVN 8860-12:11; AASHTO T165
PHÉP THỬ CÁC CHỈ TIÊU CƠ LÝ CỦA BỘT KHOÁNG CHẤT		
169.	Xác định thành phần hạt	22TCN 58-84; AASHTO T37; ASTM D456
170.	Xác định lượng mất khi nung	22TCN 58-84
171.	Xác định hàm lượng nước	22TCN 58-84
172.	Xác định khối lượng riêng	22TCN 58-84; AASHTO T113
173.	Xác định khối lượng thể tích và độ rỗng của bột khoáng chất	22TCN 58-84
174.	Xác định độ trương nở thể tích của hỗn hợp bột khoáng và nhựa đường	22TCN 58-84
175.	Xác định khối lượng riêng của hỗn hợp bột khoáng chất và nhựa đường	22TCN 58-84
176.	Xác định chỉ số hàm lượng nhựa của bột khoáng	22TCN 58-84
PHÉP THỬ ĐẤT, ĐÁ DẪM, CẤP PHỐI THIÊN NHIÊN GIA CỐ BẰNG CHẤT KẾT DÍNH VÔ, VẬT LIỆU ĐÁP		
177.	Thí nghiệm đầm nén proctor đất, đá dăm	TCVN 12790:2020; AASHTO T99, T180
178.	Xác định các đặc trưng trương nở của đất	TCVN 8719:2012; ASTM D4546
179.	Xác định các đặc trưng co ngót của đất	TCVN 8720:2012
180.	Xác định các đặc trưng lún ướt của đất	TCVN 8722:2012; ASTM D4546
181.	Gia cố đất bằng chất kết dính vô cơ, hóa học hoặc gia cố có tổng hợp xác định: Cường độ kháng ép; Độ ẩm tối ưu cho đất	TCVN 10379:2014; ASTM D1633:96; TCVN 9843:2013; TCVN 8858:2011; ASTM

CÔNG TY TNHH MTV TƯ VẤN & KIỂM ĐỊNH TRƯỜNG VĨ

	gia cố bằng xi măng	D559:96; ASTM D560:96
182.	Xác định cường độ ép chẻ của vật liệu hạt liên kết bằng các chất kết dính	TCVN 8862:2011; 22TCN 59:84
SƠN KẼ ĐƯỜNG NHIỆT ĐỎ		
183.	Độ bám dính	ASTM D4541
184.	Ngoại quan của vạch kẻ; kích thước hình học; độ mài mòn; xác định độ chống trượt	TCVN 8791:2011
SƠN KẼ ĐƯỜNG HỆ DUNG MÔI; SƠN KẼ ĐƯỜNG HỆ NƯỚC		
185.	Chiều dày vạch sơn	TCVN 9760:2016; ISO 2808
186.	Chiều rộng vạch sơn	TCVN 8788:2011
187.	Màu vạch sơn	TCVN 2102:2008; ASTM D6628
188.	Độ bám dính	ASTM D4541
189.	Xác định độ chống loang màu; độ mài mòn	TCVN 8786:2011
PHÂN TÍCH HÓA NƯỚC CHO XÂY DỰNG		
190.	Xác định hàm lượng cặn không tan	TCVN 4560:88
191.	Xác định hàm lượng muối hòa tan	TCVN 4560:88
192.	Xác định độ pH	TCVN 6492:2011
193.	Xác định hàm lượng ion clorua (Cl ⁻)	TCVN 6194:96
194.	Xác định hàm lượng ion sunfat (SO ₄ ⁻²)	TCVN 6200:96
195.	Xác định hàm lượng chất hữu cơ	TCVN 2671:78
BĂNG POLIME, MÀNG CHỐNG THẤM ĐÀN HỒI		
196.	Độ bền kéo	ASTM D412-97
197.	Độ giãn dài	ASTM D412-97
198.	Độ cứng shore	ASTM D412-97
199.	Độ kháng kiềm	ASTM D412-97
200.	Màu sắc	ASTM D412-97
201.	Độ dày	ASTM D412-97

Ghi chú (*) - Các tiêu chuẩn kỹ thuật dùng cho các phép thử được liệt kê đầy đủ, bao gồm tiêu chuẩn Việt Nam và nước ngoài (nếu có). Khi có phiên bản mới về tiêu chuẩn kỹ thuật thay thế tiêu chuẩn cũ, phải áp dụng tiêu chuẩn mới tương ứng.

8. Các công trình tiêu biểu đã và đang thực hiện.

T T	Tên công trình/gói thầu	Tên đơn vị ký hợp đồng/ Chủ đầu tư	Giá trị hợp đồng
1	Gói thầu số 04: Tư vấn kiểm định chất lượng công trình Trường Tiểu Học Tà Hủ, xã Hồ Mít, điểm trường Mít Nội, huyện Tân Uyên	Ban QLDA ĐTXD các công trình DD&CN tỉnh Lai Châu	118.000.000
2	Gói thầu số 04: Tư vấn kiểm định chất lượng công trình Trường PTDTBT THCS Pa Vây Sủ huyện Phong Thổ	Ban QLDA ĐTXD các công trình DD&CN tỉnh Lai Châu	180.000.000
3	Gói thầu số 04: Tư vấn kiểm định chất lượng công trình Trường PTDTBT xã Bản Hon, huyện Tam Đường	Ban QLDA ĐTXD các công trình DD&CN	80.000.000
4	Gói thầu số 04: Tư vấn kiểm định chất lượng công trình Trường Mầm non Hoa Sen (phân hiệu 2) thành phố Lai Châu	Ban QLDA ĐTXD các công trình DD&CN tỉnh Lai Châu	97.000.000
5	Gói thầu số 05: Tư vấn kiểm định chất lượng công trình Trường PTDT Bán trú TH xã Tà Mung huyện Than Uyên	Ban QLDA ĐTXD các công trình DD&CN tỉnh Lai Châu	188.900.000
6	Gói thầu số 12: Kiểm định chất lượng công trình: Trụ sở làm việc Tòa án nhân dân huyện Nậm Nhùn, tỉnh Lai Châu	Tòa án nhân dân tỉnh Lai Châu	186.000.000
7	Gói thầu số 12: Kiểm định chất lượng công trình: Trụ sở làm việc Tòa án nhân dân huyện Tân Uyên, tỉnh Lai Châu	Tòa án nhân dân tỉnh Lai Châu	176.000.000
8	Gói thầu: Kiểm định chất lượng công trình: Cấp nước sinh hoạt Cụm bản Trung tâm xã Mường Than, huyện Than Uyên	Trung tâm nước sạch và PTNT tỉnh Lai Châu	74.000.000
9	Gói thầu: Kiểm định chất lượng công trình: Cấp nước sinh hoạt Cụm bản Trung tâm xã Mường So, huyện Phong Thổ	Trung tâm nước sạch và PTNT tỉnh Lai Châu	47.000.000
10	Gói thầu: Kiểm định chất lượng công trình: Cấp nước sinh hoạt Cụm bản Trung tâm xã Sùng Phài, huyện	Trung tâm nước sạch và PTNT tỉnh Lai	15.000.000

CÔNG TY TNHH MTV TƯ VẤN & KIỂM ĐỊNH TRƯỜNG VĨ

	Tam Đường	Châu	
11	Gói thầu số 06 (Kiểm định chất lượng phần bổ sung), công trình: Thủy lợi Huồi Ngô, khu TĐC Can Hồ, xã Can Hồ, huyện Mường Tè (Gói thầu kiểm định)	Ban QLDA ĐTXD các công trình NN&PTNT tỉnh Lai Châu	39.000.000
12	Gói thầu số 04 (Kiểm định chất lượng công trình), công trình: Thủy Lợi Seo Hai, khu TĐC Can Hồ, xã Can Hồ, huyện Mường Tè (Gói thầu kiểm định)	Ban QLDA ĐTXD các công trình NN&PTNT tỉnh Lai Châu	44.600.000
13	Gói thầu số 06: Tư vấn kiểm định chất lượng công trình: Nhà tạm giữ Công an huyện Mường Tè (Gói thầu kiểm định)	Công An tỉnh Lai Châu	123.000.000
14	Cơ sở làm việc Công an huyện Nậm Nhùn thuộc Công an tỉnh Lai Châu	Công ty CP GP9 – Hà Nội	195.700.000
15	Hồ chứa nước Xà Dế Phìn tỉnh Lai Châu (Gói thầu kiểm định)	Ban QLDA ĐTXD các công trình NN&PTNT tỉnh Lai Châu	616.600.000
16	Gói thầu số 16: Xây lắp đoạn tuyến Km52-Km60 – Đường thị xã Lai Châu – Thị trấn Hồ	Tổng công ty đầu tư xây dựng Quyết Tiến	205.193.000
17	Sắp xếp dân cư bản Nậm Cày, xã Nậm Hàngn huyện Nậm Nhùn (Gói thầu kiểm định)	Ban QLDA các công trình XD CB huyện Nậm Nhùn	88.000.000
18	Đường Quảng Trường và hạ tầng kỹ thuật khu giáo dục, y tế, thương mại – dịch vụ và dân cư thị trấn Nậm Nhùn (Gói thầu kiểm định)	Ban QLDA các công trình XD CB huyện Nậm Nhùn	264.500.000
19	Thủy lợi Nậm Khẩu Hu, xã Thanh Nưa, huyện Điện Biên (Gói thầu kiểm định)	Ban Quản lý dự án các công trình Nông nghiệp và PTNT tỉnh Điện Biên.	455.020.294
20	Sửa chữa, nâng cấp hồ chứa nước Sái Lương, xã Hẹ Muông, huyện Điện Biên, tỉnh Điện Biên (Gói thầu kiểm định)	Ban Quản lý dự án các công trình Nông nghiệp và PTNT tỉnh Điện Biên.	106.841.124
21	Khu văn hóa, thể thao huyện Tân Uyên (Gói thầu kiểm định)	Ban QLDA XD CB và HTBT Di	92.870.000

CÔNG TY TNHH MTV TƯ VẤN & KIỂM ĐỊNH TRƯỜNG VĨ

		đân TĐC huyện Tân Uyên	
22	Tư vấn kiểm định chất lượng xây dựng công trình Công trình: Tuyến kè chống xói, lở bảo vệ bờ sông biên giới khu vực mốc 18(2) đến mốc 19, xã Ka Lăng, huyện Mường Tè (Gói thầu kiểm định)	Ban QLCTDAPTKT-XH huyện Mường Tè	340.000.000
23	Kè chống xói lở bảo vệ bờ sông biên giới Nậm Cúm khu vực cột Mốc số 68(2)+8200m đến 68(2)+1.500m địa bàn xã Mù Sang, huyện Phong Thổ. (Gói thầu kiểm định)	Bộ chỉ huy Bộ đội Biên phòng tỉnh Lai Châu	471.000.000
24	Kè gia cố chân cột Mốc giới số 17(1) huyện Mường Tè. (Gói thầu kiểm định)	Bộ chỉ huy Bộ đội Biên phòng tỉnh Lai Châu	18.000.000
25	Kè gia cố chân cột Mốc giới số 68(2) huyện Phong Thổ (Gói thầu kiểm định)	Bộ chỉ huy Bộ đội Biên phòng tỉnh Lai Châu	10.000.000
26	Kè chống xói lở bảo vệ bờ sông khu vực cột Mốc số 85(2) địa bàn xã Sin Suối Hồ, huyện Phong Thổ	Công ty TNHH Kiên Cường	78.681.000
27	Kè chống xói lở bảo vệ bờ sông khu vực cột Mốc số 85(2) địa bàn xã Sin Suối Hồ, huyện Phong Thổ	Công ty TNHH Thọ Giang	78.648.000
28	Xây dựng cơ sở vật chất các trường Phổ thông dân tộc bán trú tiểu học Thèn Sin; Phổ thông dân tộc bán trú tiểu học Tả Lèng và Phổ thông dân tộc bán trú tiểu học Bản Bo (Gói thầu kiểm định)	Ban QLDA ĐTXD các công trình DD&CN tỉnh Lai Châu	120.835.000
29	Xây dựng cơ sở vật chất các trường Phổ thông dân tộc bán trú Tiểu học Nậm Pi; Phổ thông dân tộc bán trú Tiểu học Nậm Chà (Gói thầu kiểm định)	Ban QLDA ĐTXD các công trình DD&CN tỉnh Lai Châu	128.322.000
30	Hạ tầng kỹ thuật Cụm công nghiệp Than Uyên, tỉnh Lai Châu (Gói thầu kiểm định)	Ban QLDA ĐTXD các công trình DD&CN tỉnh Lai Châu	422.000.000

CÔNG TY TNHH MTV TƯ VẤN & KIỂM ĐỊNH TRƯỜNG VĨ

31	Dự án: Nâng cấp, cải tạo đường tỉnh 128 (Gói thầu kiểm định)	Ban QLDA ĐTXD các công trình giao thông tỉnh Lai Châu	526.577.000
32	Hồ Huổi Trang Tai, huyện Điện Biên (Gói thầu kiểm định)	Ban Quản lý dự án các công trình Nông nghiệp và PTNT tỉnh Điện Biên	389.828.130
33	Gói thầu TV08: Tư vấn kiểm định chất lượng xây dựng Dự án: Trường phổ thông nội trú liên cấp Tiểu học và Trung học cơ sở xã Đào San	Công an tỉnh Lai Châu	701.782.000
34	Gói thầu TV08: Tư vấn kiểm định chất lượng xây dựng Dự án: Trường phổ thông nội trú liên cấp Tiểu học và Trung học cơ sở xã Bum Nưa	Công an tỉnh Lai Châu	819.295.000
35	Gói thầu TV08: Tư vấn kiểm định chất lượng xây dựng Dự án: Trường phổ thông nội trú liên cấp Tiểu học và Trung học cơ sở xã Hua Bum	Công an tỉnh Lai Châu	744.700.000

9. Cam kết chung của công ty

Công ty chúng tôi xin cam kết thực hiện các quy định về hoạt động PTN, đáp ứng các yêu cầu của khách hàng về thí nghiệm chuyên ngành xây dựng, kiểm định chất lượng công trình xây dựng đúng theo quy định của BXD và tuân thủ các quy định pháp luật của nhà nước.

CÔNG TY TNHH MTV TV&KD TRƯỜNG VĨ

**Giám đốc
Vũ Văn Thuận**

